

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hà Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thu T; sinh năm 1975; cư trú tại: đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng K; sinh năm 1960; cư trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua người nhà giới thiệu, bà và ông Tran Hoang K đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2018. Đến năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà phát hiện ông K quan hệ và có con với người phụ nữ khác. Quan liên lạc thì ông Kiên cũng đồng ý việc ly hôn với bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiên.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Tran Hoang K không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tran Hoang K không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Thu T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Thu T đối với ông Tran Hoang K.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Đỗ Thu Trang, có địa chỉ cư trú tại đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Tran Hoang K, có quốc tịch Hoa Kỳ; địa chỉ cư trú tại Hoa Kỳ, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Tran Hoang K bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đỗ Thu Trang đối với ông K và yêu cầu ông K gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đến ngày 13-01-2022, Tòa án nhận được văn bản thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ là ABC Legal về việc tổng đạt không thực hiện được cho ông Tran Hoang K. Còn nguyên đơn bà Đỗ Thu Trang không thể thực hiện việc cung cấp địa chỉ khác của ông K theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên bà T đã yêu cầu và được Tòa án Thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài là Ban đối ngoại (VOV5), Đài tiếng nói Việt Nam về thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ án xin ly hôn của bà T đối với ông K, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông K theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự nói trên.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Tran Hoang K của bà Đỗ Thu Trang thì thấy, sau khi kết hôn được 02 năm thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, nên mỗi lần về Việt Nam thì ông không cho bà T biết. Do đó hôn nhân của ông, bà là không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn ông K của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Đỗ Thu Trang và ông Tran Hoang K không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Đỗ Thu Trang phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Đỗ Thu Trang phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thu Trang đối với ông Tran Hoang K.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thu Trang được ly hôn với ông Tran Hoang K.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thu Trang phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002899 ngày 03-6-2021, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Đỗ Thu Trang phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0002901 ngày 09-6-2021, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Đỗ Thu Trang phải chịu 2.190.700 đồng, bà T đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo Chứng

từ ngày 09-6-2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn Bà Đỗ Thu Trang có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Tran Hoang K không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Hà Nam**